

# KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT TRONG THƠ THIỀN HẢI LƯỢNG THIỀN SƯ

Nguyễn Hữu Rạng

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: rangnh.vhvn033@pg.hcmue.edu

## Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 20/12/2023; Ngày nhận chỉnh sửa: 18/02/2024; Ngày duyệt đăng: 29/3/2024

## Tóm tắt

Không chỉ được người đương thời ca tụng tài năng quân sự, chính trị, ngoại giao kiệt xuất, Hải Lượng thiền sư (Ngô Thì Nhậm) còn được biết đến như một bậc kỳ tài về văn chương. Ông ghi dấu ấn rõ nét trong làng văn chương dưới thời Tây Sơn với đa dạng các thể loại, đặc biệt ở bộ phận thơ thiền. Bằng phương pháp nghiên cứu thi pháp kết hợp với các phương pháp phân tích cấu trúc, thống kê và so sánh, bài viết phân tích đặc điểm không gian nghệ thuật trong sáng tác thơ thiền của tác giả. Kết quả nghiên cứu cho thấy, không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư được thể hiện chủ yếu qua không gian nhà chùa, thiền viện và một số ít bài là không gian đất Phật. Qua khảo sát các bài thơ thiền của tác giả, bài viết đưa ra ba đặc điểm chính của không gian nghệ thuật, cụ thể: (1) Không gian an định thân tâm, hỗ trợ con người đạt đến cảnh thiền trong thực tại; (2) Không gian hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và tương thông với vũ trụ; (3) Không gian phát xuất các tín hiệu thiền qua đó thức tỉnh nhân tâm giữa đời bẽ bộn. Từ đó, bài viết hướng đến mục đích trọng tâm là làm rõ cảm quan và triết lý thiền được tác giả thể nghiệm qua không gian nghệ thuật trong bộ phận thơ thiền.

**Từ khóa:** Hải Lượng thiền sư, không gian nghệ thuật, thơ thiền, văn học thời Tây Sơn.

## ART SPACE IN ZEN MASTER HAI LUONG'S POETRY

Nguyen Huu Rang

Department of Literature, Ho Chi Minh City University of Education, Vietnam

Email: rangnh.vhvn033@pg.hcmue.edu

## Article history

Received: 20/12/2023; Received in revised form: 18/02/2024; Accepted: 29/3/2024

## Abstract

Not only praised by contemporaries for his outstanding military, political, and diplomatic talents, Zen master Hai Luong (Ngo Thi Nham) was also known as a literary genius. He made a clear impression in the literary village under the Tay Son dynasty with a variety of genres, especially in the zen poetry department. Using structural analysis, statistics, and comparison, the article analyzes the characteristics of art spatial forms in the author's meditation poetry. Results show that the artistic space in Zen master Hai Luong's zen poetry is expressed mainly through the space of pagodas and monasteries and a few poems are the space of Buddha's land. Accordingly, this article presents three main characteristics of art space, specifically: (1) The space calming the body and mind, supporting people to reach meditation in reality; (2) The space harmonizing with the natural landscape and communication with the universe; (3) The space signaling meditation, thereby awakening people's minds in the midst of a busy life. Thereby, the article aims to clarify the feeling and philosophy of meditation experienced by the author through each spatial form.

**Keywords:** Art space, literature of the Tay Son period, zen poetry, zen master Hai Luong.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.9.2024.1370>

Trích dẫn: Nguyễn, H. R. (2024). Không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(9), 57-68. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.9.2024.1370>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

## 1. Đặt vấn đề

Theo hành trình viễn dương của các thuyền buôn từ Ấn Độ đến Việt Nam, Phật giáo bước đầu du nhập vào nước ta thông qua các nhà sư đi cùng vào trước công nguyên. Cũng từ đây, Phật giáo bắt đầu được truyền bá rộng rãi bằng nhiều con đường khác nhau để rồi tìm thấy sự hòa hợp với dòng mạch văn hóa dân tộc và trở thành tôn giáo chính yếu trong đời sống tinh thần của cư dân nông nghiệp suốt nhiều thế kỉ. Với tinh thần “hòa quang đồng trần”, tư tưởng Phật giáo đã nhanh chóng chiếm được cảm tình người Việt và có sức ảnh hưởng đến các phương diện đời sống xã hội. Có thể nói, Phật giáo từ khi du nhập đã để lại dấu ấn tại nhiều nơi ở nước ta: “Vào chùa thắp một nắm hương / Miệng khấn tay vái bốn phương chùa này” (*Ca dao*). Sự ra đời các dòng thiền, các tông phái Phật giáo mang đậm bản sắc văn hóa Việt cùng dấu ấn ở mỗi thời đại là minh chứng rõ nét cho sức ảnh hưởng và trường thành từng ngày của tôn giáo này trên đất nước ta. Là tấm gương chân thật phản ánh bộ mặt xã hội phong kiến suốt mười thế kỉ (X - XIX), văn học trung đại Việt Nam, đặc biệt bộ phận thơ thiền, được xem là nơi kí thác sâu sắc các tư tưởng Thiền tông của Phật giáo. Các thiền sư trung đại không những là người thư kí trung thành mà còn là nhà nghệ sĩ với tâm hồn sáng tạo, đầy mẫn cảm trong việc thể nghiệm - truyền tải tư tưởng thiền qua nhiều phương diện nghệ thuật, đặc sắc hơn cả vẫn là không gian nghệ thuật.

Hải Lượng thiền sư (Thế danh: Ngô Thi Nhậm) được người đương thời biết đến là bậc danh sĩ toàn tài trong làng văn chương trung đại nửa sau thế kỉ XVIII. Ông nổi danh với những áng văn luận chiến sắc sảo về lời lẽ, hàm chứa giá trị thuyết phục cao. Bên cạnh đó, ông còn ghi dấu ấn trên thi đàn văn chương lúc bấy giờ qua những sáng tác thơ chữ Hán đặc sắc “*phản ánh bước đi của một con người, cũng là bước đi của thời đại*” (Mai, 1985, tr. 93). Tuy vậy, các công trình nghiên cứu về sự nghiệp văn chương của vị thiền sư này từ trước đến nay chủ yếu chỉ tập trung vào bộ phận văn chính luận, luận thuyết tôn giáo như: *Về một số tập văn của Ngô Thi Nhậm* (1972) của Trần Lê Sáng, *Mấy vấn đề về Ngô Thi Nhậm - một mưu sĩ lỗi lạc của Quang Trung* (1974) của Văn Tân, *Văn chính luận và cuộc đấu tranh ngoại giao thời Tây Sơn* (1981) của Nguyễn Lộc... luận văn *Văn chính luận của Ngô Thi Nhậm* (2003) của Đoàn Thị Tuyết Mai... Về bộ phận thơ chữ Hán, phần lớn các công trình chủ yếu nghiên cứu thơ ông từ phương diện khái quát

hoặc dừng lại ở phạm vi đề tài và một số đặc trưng thi pháp nổi bật chủ yếu làm rõ tài năng ngoại giao, quân sự của tác giả. Số lượng các công trình này cũng còn khá khiêm tốn, tiêu biểu như: *Thơ văn Ngô Thi Nhậm trong cuộc đấu tranh chống xâm lược* (1981) của Vũ Khiêu, *Ngô Thi Nhậm trong văn học Tây Sơn* (1985) của Mai Quốc Liên... Khu biệt vào vấn đề bài viết, người viết nhận thấy đến hiện tại, chưa có công trình hay bài viết nghiên cứu nào đề cập cụ thể bộ phận thơ thiền Hải Lượng thiền sư cũng như đặc trưng thi pháp của không gian nghệ thuật trong thơ thiền tác giả. Có thể nói, vấn đề nghiên cứu về không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư còn là mảnh đất trống vắng ngày ngày chờ đợi bước chân khám phá của con người đương đại. Việc tiếp cận sáng tác thơ thiền thông qua con đường không gian nghệ thuật cũng đồng thời là “cửa ngõ” dẫn lối người đọc đến thế giới nội tâm đầy trữ tình, mang mỹ cảm Thiền tông đặc sắc.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

*Phương pháp nghiên cứu thi pháp*: Không gian nghệ thuật là một phạm trù cơ bản của thi pháp học và được kiến tạo dựa trên quan niệm nghệ thuật của mỗi tác giả. Nó là “mô hình thế giới độc lập có tính chủ quan và mang ý nghĩa biểu tượng của tác giả” (Trần, 2018, tr. 129). Khảo sát về không gian nghệ thuật trong thơ nhất thiết không thể bỏ qua phương pháp nghiên cứu thi pháp, sử dụng các đặc trưng cơ bản của mô hình không gian nghệ thuật để khai thác các đặc điểm không gian trong thơ thiền Hải Lượng. Cụ thể hơn, phương pháp nghiên cứu này được sử dụng với mục đích tiếp cận, khai thác các quan niệm nghệ thuật của tác giả Hải Lượng thiền sư khi miêu tả không gian trong thơ thiền của mình. Qua việc sử dụng phương pháp nghiên cứu này, người đọc nhận thức rõ hơn các đặc điểm nổi bật của không gian nghệ thuật trong thơ thiền tác giả cũng như cảm quan Thiền tông được lồng ghép ở mỗi đặc điểm không gian. Trong bài viết này, người viết xác định đây là phương pháp nghiên cứu trọng tâm.

*Phương pháp phân tích cấu trúc*: Bằng cách xem mỗi sáng tác thơ thiền là một cấu trúc hoàn chỉnh với sự cấu thành của nhiều thành tố nội dung và nghệ thuật có mối tương quan chặt chẽ, người viết sử dụng phương pháp cấu trúc nhằm mục đích tìm kiếm, phân tích những đặc sắc của từng thành tố nội tại trong cấu trúc tác phẩm từ đó thấy được giá trị của tác phẩm thơ thiền Hải Lượng trong dòng mạch văn hóa - văn học dân tộc. Cần nhấn mạnh, việc phân tích các thành tố

nội tại trong cấu trúc tác phẩm phải hướng đến mục tiêu làm sáng rõ những đặc trưng nghệ thuật về không gian trong thơ thiền của tác giả - đối tượng nghiên cứu chính của bài viết.

*Phương pháp khảo sát, thống kê:* Nhằm củng cố chắc chắn nhận định cũng như giúp việc luận giải một số đặc điểm của không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư, người viết sử dụng phương pháp nghiên cứu này để khảo sát, thống kê các sáng tác thơ thiền trong bộ phận thơ chữ Hán Ngô Thì Nhậm dựa trên những tiêu chí nhất định; khảo sát, thống kê một số yếu tố ngôn từ, hình ảnh có liên quan và so sánh với một số tác giả khác để chỉ ra sự khác biệt, nét đặc sắc... của thơ thiền Ngô Thì Nhậm ở phương diện không gian nghệ thuật.

*Phương pháp nghiên cứu so sánh:* Bên cạnh một số nét tương đồng trong cách xây dựng và ý nghĩa biểu đạt cảm quan thiên giữa không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư với không gian nghệ thuật trong thơ thiền của giai đoạn trước đó (thơ thiền Lý-Trần, thơ Nguyễn Trãi, thơ Nguyễn Bình Khiêm...) vẫn tồn tại nhiều sự khác biệt xuất phát từ bối cảnh thời đại, cảm quan tiếp nhận cũng như nhận quan thiên học ở mỗi nhà thơ. Vì vậy, phương pháp nghiên cứu này được sử dụng nhằm tìm kiếm, làm rõ một vài nét khác biệt cơ bản trong nghệ thuật xây dựng và khả năng biểu đạt ý thiên của không gian trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư với các tác giả trước đó. Thông qua việc so sánh sự khác biệt, người đọc phần nào hiểu thêm những giá trị đặc sắc, nhận quan thiên học cũng như ý thức rõ hơn các đóng góp nghệ thuật của thơ thiền Hải Lượng thiền sư trên dòng chảy văn học dân tộc.

Qua việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu trên, người đọc có thể nhận diện được những điểm đặc sắc trong việc thể nghiệm, chuyên tải các tư tưởng Thiền tông qua bộ phận thơ thiền của tác giả từ góc độ không gian nghệ thuật.

### 3. Nội dung nghiên cứu

#### 3.1. Đôi nét về Hải Lượng thiền sư (1746 - 1803)

Tình hình đất nước rối ren, chia cắt cùng những biến động dữ dội của thời đại từ nửa sau thế kỉ XVIII khiến xã hội Đại Việt trở nên điêu đứng, loạn lạc. Ngô Thì Nhậm “con người khổng lồ” của thời đại” (Đoàn, 2003, tr. 73) ra đời trong bối cảnh hỗn độn, nhiều đau thương đó. Xoay quanh các vấn đề về tiểu sử Ngô Thì Nhậm, trong bài viết này, người viết tạm

chia thành hai giai đoạn ứng với những biến chuyển bước ngoặt trong cuộc đời ông với mốc thời gian phân chia là năm 1792.

*Ở giai đoạn đầu (1746 - trước 1792),* tên tuổi ông rất có uy tín trong giới sĩ phu Bắc Hà đương thời. Ông có nhiều đóng góp quan trọng trong công cuộc vận động các nhân sĩ, trí thức Bắc Hà lúc bấy giờ như: Phan Huy Ích, Trần Bá Lãm, Ninh Tôn, Vũ Huy Tấn... qua việc thuyết phục họ nhận ra những sai lầm nghiêm trọng của chính quyền vua Lê-chúa Trịnh. Bên cạnh đó, ông cũng giúp họ nhận ra việc giữ mãi niềm cô trung trước một chính quyền đã đến hồi tận vận là điều trái với thời thế. Ông ra sức ủng hộ cuộc đấu tranh của đội quân cờ đào Tây Sơn. Nhà nghiên cứu Mai Quốc Liên trong quyển *Ngô Thì Nhậm trong văn học Tây Sơn (1985)* từng khẳng định: “Ngô Thì Nhậm đã đem hết tâm huyết, tài năng ra đóng góp cho sự nghiệp cứu nước và dựng nước dưới ngọn cờ đào của Tây Sơn” (Mai, 1985, tr. 50). Không chỉ là bậc đại Nho tinh thông binh pháp và sách lược quân sự, danh sĩ họ Ngô còn được lịch sử nhìn nhận như bậc thầy về ngoại giao chính trị. Nhờ vào tài ngoại giao khéo léo cùng sách lược thương thuyết linh hoạt, ông đã nhiều lần “cứu giá” cho vua Quang Trung thoát khỏi tình thế nguy cấp trước âm mưu tiến quân bằng con đường chính trị của nhà Thanh, điển hình là thành công trong cuộc ngoại giao yêu cầu đại quân thiên triều Mãn Thanh chính thức thừa nhận triều đại Tây Sơn về mặt pháp lý.

*Ở giai đoạn sau (1792 - 1803),* từ sau khi vua Quang Trung đột ngột băng hà năm 1792, đích tự là Nguyễn Quang Toản kế ngôi chỉ vừa mới tuổi 15, Ngô Thì Nhậm nhận thấy những dấu hiệu rạn nứt và nguy cơ tan vỡ của triều đại Tây Sơn. Vị thế và vai trò của ông trước triều đình ngày càng suy giảm thêm vào đó là nỗi thất chí khi “con người hiểu ông, tin cậy và trọng dụng ông đã mất” (Mai, 1985, tr. 58) và cảm thấy bản thân như “bóng nhận cô đơn” (Mai, 1985, tr. 58). Trước tình cảnh đó, ông chỉ còn biết gửi tâm nơi cửa Phật qua việc lập thiền viện Trúc Lâm ở phường Bích Câu vào năm 1792 và lấy pháp danh Hải Lượng. Đây là mốc thời gian quan trọng, đánh dấu bước chuyển trong cuộc đời bậc đại trí họ Ngô: “Nhà nho hành đạo nhập thế hết mình và thành công đến vậy, cuối đời đã thực hiện ý nguyện tìm đến cửa Phật” (Nguyễn, 2020, tr. 114). Ông tìm đến Thiền tông và trở thành thế hệ thứ tư nối dòng Trúc Lâm Yên Tử đời Trần với tôn chỉ hành trì là sự dung hòa giữa Nho - Phật - Đạo.

### 3.2. Đôi nét về thơ thiền Hải Lượng thiền sư

Về sáng tác văn chương, có thể thấy, Ngô Thì Nhậm là một trong số những tài năng văn học kiệt xuất trong làng thi văn trung đại nửa sau thế kỉ XVIII. Sáng tác của ông góp mặt ở nhiều thể loại như: văn chính luận với *Bang giao hảo thoại* (1789 - 1800), văn luận thuyết với *Xuân Thu quản kiến* (1782 - 1786), *Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh* (1786), quốc sử với *Nhị thập tứ sử toát yếu* (1762, đã mất), *Thánh triều hội giám* (1781, đã mất)... và nổi trội hơn cả vẫn là thơ với 11 tập thơ được viết bằng chữ Hán. Với số lượng dồi dào, phong phú đặc biệt vẫn còn lưu truyền phần lớn đến hiện tại đồng thời gắn liền từng chặng đường quan trọng trong cuộc đời tác giả, các sáng tác thơ Ngô Thì Nhậm là “cửa ngõ” dẫn người đọc bước vào thế giới tâm hồn đa chiều của thi nhân “*vang lên những giai điệu trong treo, ầm áp của một tiếng nói giàu tình cảm [...] vẫn còn giữ được đầy đủ ý vị của nó và làm rung động*

*tâm hồn ta*” (Tân & cs., 1974, tr. 144-145) so với các thể loại còn lại.

Trong bài viết này, người viết tiến hành khảo sát không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư qua 7 tập thơ chữ Hán, được trích xuất từ công trình *Ngô Thì Nhậm tác phẩm, tập II (Thơ & phú)* (2001) do Mai Quốc Liên chủ biên. Người viết cũng tiến hành đặt ra hai tiêu chí để phân loại thơ thiền trong 193 bài thơ thuộc 7 tập thơ trên. Các bài thơ được xếp vào nhóm thơ thiền trong phạm vi nghiên cứu của bài viết phải thỏa mãn một trong hai tiêu chí: (1) *Tác phẩm thơ phải đảm bảo tái hiện được nội dung tư tưởng Thiền tông;* (2) *Tác phẩm thơ phải đảm bảo sự xuất hiện các yếu tố nghệ thuật đặc trưng (con người, hình ảnh, sự vật...) gắn với Thiền tông hoặc không gian đặc trưng của Phật giáo nói chung.* Căn cứ vào hai tiêu chí trên, người viết khảo sát và thống kê được có khoảng **78/193** bài thơ thiền trong 7 tập thơ chữ Hán Hải Lượng thiền sư, cụ thể:

**Bảng 1. Khảo sát các bài thơ thiền trong thơ chữ Hán Hải Lượng thiền sư**

STT	Tên tập thơ	Thời gian sáng tác	Số lượng các bài thơ thiền khảo sát được	
1	<i>Bút hải tùng đàm</i>	1769 - 1782	03/78	3,85%
2	<i>Thủy vân nhàn vinh</i>	1782 - 1786	07/78	8,97%
3	<i>Ngọc đường xuân khiếu</i>	1789 - 1792	15/78	19,23%
4	<i>Cúc hoa thi trận</i>	Khoảng năm 1796	08/78	10,26%
5	<i>Thu cận dương ngôn</i>	1797 - 1798	05/78	6,41%
6	<i>Cẩm đường nhàn thoại</i>	1785 - 1797	02/78	2,56%
7	<i>Hoàng hoa đồ phá</i>	1793	38/78	48,72%

Từ kết quả khảo sát trên, người viết nhận thấy không gian nghệ thuật trong 78 bài thơ thiền của Hải Lượng thiền sư được thể hiện chủ yếu qua sự xuất hiện của không gian nhà chùa, thiền viện, vườn thiền và một số ít bài là không gian đất Phật. Trong 78 bài thơ thiền trên, chúng tôi khảo sát và thống kê được không gian nhà chùa xuất hiện ở 10 bài, không gian thiền viện (linh đài, linh am) xuất hiện ở 11 bài, không gian đất Phật xuất hiện ở 2 bài. Có thể thấy, không gian Phật giáo xuất hiện khá phổ biến (23/78 bài thơ thiền) trong các sáng tác thơ thiền của Hải Lượng thiền sư mang nhiều đặc điểm và cảm quan Thiền tông của tác giả.

### 3.3. Đặc điểm của không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư

#### 3.3.1. Không gian an định thân tâm, hỗ trợ con người đạt đến cảnh thiền trong thực tại

Một đặc điểm xuất hiện phổ biến trong dạng

thức không gian nghệ thuật ở bộ phận thơ thiền Hải Lượng thiền sư là không gian góp phần an định tâm từ đó đưa thân trở về trạng thái tĩnh tại và đạt đến cảnh giới của thiền. Suốt hơn bốn mươi năm tung hoành ngang dọc giữa đời tao loạn, nếm trải đủ mọi danh lợi, vinh hoa mặt khác đóng góp đáng kể về tài và tâm dưới triều đại Tây Sơn vậy mà cuối đời danh sĩ họ Ngô lại chọn bước theo con đường của bậc tu hành, lánh xa thế tục trở về chốn vườn thiền tiếp tục nối dòng Trúc Lâm Yên Tử:

“*Cố ngô y cựu Trúc lâu duyên*”

(Cái tôi thuở trước vẫn còn duyên nợ Trúc lâu)

(*Văn thu tham thiền*, tập *Ngọc đường xuân khiếu*)

(Mai, 2001, tr. 180-181)

Con người ấy quyết rời bỏ chốn quan trường một thời từng lựa chọn để lập danh, từ bỏ lòng nhiệt thành của bậc đại nho tài trí để khoác lên mình chiếc áo nâu của bậc hành giả (*Thuật tiên ý II*). Vì vậy, bên



canh bộ phận thơ chữ Hán mang âm hưởng ngợi ca trần mặc, tán tụng ơn đức thiên tử nhà Tây Sơn (*Ký sự, Đạo ý, Tông giá vọng trận cung xuân nhật xuất binh phụng ký...*) hay khắc họa chân thật hình tượng con người trí dũng song toàn (*Đại phong, Thu hồi, Cô chu...*) thấp thoáng trong thơ ông lại xuất hiện những không gian mang đầy cảm hứng thiền. Không gian nhà chùa là một điển hình. Nhà chùa trở thành không gian đặc dụng trong việc hỗ trợ con người thể nghiệm các triết lý thâm sâu của đạo thiền. Bước chân vào không gian ấy, thân người dường như trở nên nhẹ nhàng, thư thái. Phía trước thiền môn, con người tạm bỏ lại những phiền muộn, bộn bề của đời trần tục để tiến vào cảnh giới trang nghiêm, tĩnh tại:

*“Học quan mang lý yết*

*Thiền viện tịch trung huyền”*

(Vị học quan thành thoi trong bận rộn

Nơi Thiền viện huyền não trong tĩnh mịch)

(*Vạn Niên am họa “Nhất Thủy” Vũ Công Bộ chi tác, tập Hoàng hoa đồ phả*) (Mai, 2001, tr. 462-463)

Mở đầu bài thơ, tác giả họa lên trước mắt người đọc một cảnh tượng đầy nghịch lý nhưng lại vô cùng hữu ý khi soi xét từ quan niệm thiền của đạo Phật. Không gian nơi thiền viện vốn chẳng phải là chốn tĩnh lặng bởi sự có mặt của biết bao khách thập phương đến viếng cảnh, lễ chùa “huyền”. Việc khắc họa tính chất không gian như trên vốn không phải điều xa lạ mà điểm đặc biệt ở đây là sự đối lập giữa hai trạng thái “tịch” (tĩnh mịch) và “huyền” (huyền não) trong cùng một không gian. Rõ ràng, nếu là người bình thường chưa thực sự giác ngộ chân lý thiền rất khó để giữ tâm an định giữa không gian ấy. Thế nhưng, đối với Đổng Tôn Bá - nhân vật “học quan” được tác giả nhắc đến trong tác phẩm (dựa theo lời chú của tác giả và bản dịch nghĩa của Ngô Ngọc Linh), thì ngược lại. Ông tìm thấy sự an định trong tâm ngay giữa chốn thiền môn huyền não: *“Thiền viện tịch trung huyền”*. Không gian thiền viện trong bài đóng vai trò như một không gian chứng thực cho sự giác ngộ và công phu tu tập, thực hành thiền định của con người. Theo quan niệm thiền tông, tâm người trong mọi hoàn cảnh luôn giữ vai trò quyết định đến trạng thái hiện tại của thân. Chỉ cần tâm không xao động, không cố chấp hay dính mắc vào ngoại cảnh, không “lang thang”, “rong ruổi” trong những tạp niệm của quá khứ, tương lai trở về trạng thái trống không trong giây phút hiện

tại thì thân người cũng trở nên thư thái, nhẹ nhàng. Thiền sư Từ Đạo Hạnh đời Lý đã phát ngôn rất rõ lẽ này trong thơ:

*“Hữu không như thủy nguyệt*

*Vật trước hữu không không”*

(“Có” với “không” như ánh trăng dưới nước)

Đừng có bám hẳn vào cái “có”.

và cũng đừng cho cái “có” là không)

(*Hữu không* - Từ Đạo Hạnh) (Vũ, 2013, tr. 62)

Mặc dù có sự tương đồng trong quan niệm về lẽ “sắc - không” theo tinh thần Phật giáo thế nhưng người đọc có thể nhận ra nét khác biệt trong cách truyền tải, thể nghiệm triết lý này ở thơ Từ Đạo Hạnh (Từ Lộ) thời Lý với thơ thiền Hải Lượng thiền sư. Nếu triết lý về lẽ “sắc - không” trong thơ Từ Đạo Hạnh được truyền tải một cách trực tiếp với lời lẽ thâm sâu, uyên áo của nhà Phật thì ở thơ thiền Hải Lượng thiền sư, triết lý này được phát ngôn một cách sinh động, gắn với các hình ảnh, không gian thiền viện quen thuộc và quan trọng gần gũi với đời sống. Nói cách khác, việc truyền tải tư tưởng Phật giáo ở thơ thiền thời Lý cụ thể qua thơ Từ Đạo Hạnh phần lớn mang tính cao thâm, nặng về lý lẽ, triết luận phù hợp với trí tuệ minh triết của bậc cao tăng đạt đạo hay tầng lớp nho sĩ. Với thơ thiền Hải Lượng thiền sư, sự truyền tải tư tưởng Thiền tông có phần giản đơn, gần gũi và dễ tiếp nhận qua việc lồng ghép vào các không gian chùa chiền, thiền viện quen thuộc hoặc các sinh hoạt thường nhật. Sự khác biệt này phản ánh xu hướng bình dân hóa trong việc truyền tải, thể nghiệm triết lý Thiền tông của thơ thiền Hải Lượng so với thơ ca tiền nhân. Nhà chùa, thiền viện trở thành những không gian sinh động, gần gũi hỗ trợ hoặc chứng thực quá trình cảm nghiệm Thiền tông ở con người. Cảnh vật xung quanh dù huyền não, xáo động đến đâu đi nữa chỉ cần con người nhất nhất giữ tâm an định, không chấp trước vào cảnh thì không gian cũng theo đó trở nên tĩnh mịch, yên ắng. Con người thật sự mong chờ *“những phút ngừng nghĩ “thân tâm” nơi cửa Thiền”* (Trần, 2003). Có thể thấy qua lăng kính soi chiếu từ không gian nhà chùa trong bài, con người có dịp thể nghiệm triết lý thiền của Phật giáo Thiền tông một cách hoàn hảo. Không chỉ thể nghiệm trạng thái thiền định bằng tâm mà qua không gian thiền viện Vạn Niên, con người còn phát ngôn trực tiếp triết lý căn bản của tông phái này như một sự giác ngộ trong tu tập:

*“Tĩnh độ sắc phi sắc*

*Trần tâm phiên bất phiên”*

(Cõi Phật “sắc” mà “không”

Lòng trần “động” mà “bất động”)

(*Vạn Niên am họa “Nhất Thủy” Vũ Công Bộ chi tác, tập Hoàng hoa đồ phả*) (Mai, 2001, tr. 462-463)

Hải Lượng thiền sư đã lồng ghép nhiều từ ngữ thiền học (*sắc-không, thiền, tâm, (thân) tứ đại, chân, quả, từ bi, nghiệp, tham sân, bần mê...*) hoặc các từ ngữ có sắc thái thiền, biểu thị hay gợi nhắc đến thiền vị (*phù vân, bảo tháp, truyền đăng, diệu ý, càn khôn, Phật hải, ly hợp, kim thân, Đâu suất thiên...*) trong sáng tác thơ thiền của ông. Qua khảo sát 78 bài thơ thiền trong 7 tập thơ chữ Hán của tác giả, chúng tôi thống kê được các từ ngữ mang chất thiền xuất hiện rất nhiều lần với **210 lần**<sup>①</sup>, đa dạng về ý nghĩa. Phần lớn mỗi bài thơ thiền của tác giả đều có sự xuất hiện các từ ngữ mang chất thiền. Sự xuất hiện các từ ngữ mang chất thiền ước tính trung bình khoảng **2,69 lần** trong mỗi bài thơ thiền. Từ đây có thể thấy, dấu ấn của không gian thiền đậm đặc trong thơ tác giả. Cõi Phật, ở đây tác giả hàm chỉ đến không gian thiền viện dù trong hiện thực vẫn là chốn xao động bởi lẽ nó vốn được đặt trong quỹ đạo của cõi trần tục, dù bên trong không gian ấy vẫn còn dung chứa mọi điều ô tạp “sắc” - mầm mống khiến tâm dễ rơi vào trạng thái lay động, mất kiểm soát nhưng nếu con người biết vượt lên trên mọi sự, không cố chấp vào “sắc”, không “thả rong” tâm thì dù cõi Phật là “sắc” cũng thành cõi “không” bởi lẽ: *“Tĩnh độ sắc phi sắc”*. Ranh giới giữa “sắc” và “không” dù đôi lúc chỉ hiện hữu mong manh thực chất là do con người vẫn chưa phá bỏ được cái nhìn nhị nguyên trước vạn vật, khi ấy chưa thể đạt “ngộ” chưa chứng quả được bản chất của sự tồn tại<sup>②</sup>. Chỉ cần quản lí được tâm thì thân lập tức trở về trạng thái an định, tĩnh tại. Trong không gian xưa cũ chốn thiền môn, vị học quan họ Đồng dường như cảm nhận rất rõ mọi sự dịch chuyển, huyên não của vạn vật nhưng ông luôn giữ tâm không chấp trước vào đây vì vậy mà: *“Trần tâm phiên bất phiên”*. Việc quan trường nơi hoàng cung vốn lắm bộn bề nhưng vị quan vẫn giữ được thân trong trạng thái thành thoi, ung dung dạo gót đến vườn thiền: *“Học quan mang lý yết”*. Mỗi bước chân con người trong không gian ấy đều là bước đi trong chánh niệm. Không gian nhà chùa trong trường hợp này giữ vai trò như một không gian chứng thực cho sự đạt đạo ở con người tu thiền.

Thế nhưng, đôi lúc không gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng lại được tác giả khắc họa như một nơi thử thách tâm. Không hoàn toàn vắng lặng, thanh tĩnh như không gian chùa Gia Lâm trong *Đề Gia Lâm tự* (Trần Quang Triều), không gian chùa Phổ Minh trong *Thiên Trường phú* (Trần Nhân Tông), không gian chùa Phi Lai trong *Đề Phi Lai tự khắc thạch* (Nguyễn Đề), không gian chùa Một Cột trong *Nhất Trụ tự* (Nguyễn Hành)... không gian nhà chùa trong thơ Hải Lượng thiền sư lại mang đầy thanh âm huyên não của đời trần tục:

*“Thiền viện dục thiền, thiền vị ổn*

*Khẩu quan tiêm thủ nạo đa phương”*

(Trong thiền viện, muốn thiền, thiền chẳng ổn  
Tiếng bàn tay nhỏ gõ cửa rộn lên ở khắp nơi)

(*Vạn Niên am họa “Nhất Thủy” Vũ Công Bộ chi tác, tập Hoàng hoa đồ phả*) (Mai, 2001, tr. 462-463)

Rõ ràng, không gian thiền viện trong bài mở ra trước mắt người đọc với đầy sự thử thách buộc tâm người khi thực hành thiền định phải ngay vững nếu không dễ sa vào việc chấp mê ở thanh sắc: *“Thiền viện dục thiền, thiền vị ổn”*. Tâm người vốn là vật rất nhạy cảm và dễ xao động trước tác động ngoại cảnh nếu con người không biết cách quản tâm, đưa nó trở về trạng thái “không” vốn có thì dù cửa miệng có niệm vạn lần câu nam mô, tay có đánh trăm hồi mõ, trí có thuộc hàng trăm câu kinh, bài kệ vẫn chẳng thể ngộ đạo và đạt đến cảnh giới thiền. Hình ảnh “khẩu quan tiêm thủ nạo đa phương” như một biểu tượng của mọi điều tạp nham từ ngoại cảnh dễ khiến tâm sa ngã nếu con người không vững trong chánh niệm. Tuy vậy, bên dưới mái chùa, con người vẫn cảm nhận được sự thanh tĩnh, cõi lòng rũ bỏ được bụi trần. Trong không gian ấy, họ thực sự trở về với tâm không của chính mình:

*“Chỉ hứa đức dung kham thạch động*

*Bất tương đạo cốt bạn trần hiêu”*

(Chỉ để đức dung khắc vào hang đá

Không đem đạo cốt vướng víu bụi trần)

(*Cung văn tiên thân, tập Thủy vân nhàn vịnh*)

(Mai, 2001, tr. 155-156)

Dường như có sự tương đồng ngẫu nhiên giữa hai trạng thái không gian được tác giả khắc họa trong bài. Không gian nơi thạch động với trạng thái trống không bên trong (không gian ngoại vật) và không gian của tâm cũng với trạng thái tương tự (không gian nội tâm) sau khi rũ sạch mọi bụi trần *“bạn trần hiêu”*. Là

tâm người thật sự giác ngộ, đạt đến cảnh giới của “tâm không” từ đó nhận ra vạn vật xung quanh đều trống không hay vạn vật trong không gian ấy vốn trống không mà tác động đến tâm người? Có thể thấy, sự lựa chọn không gian thể nghiệm triết lý Thiền tông trong thơ thiền Hải Lượng có phần khác biệt hơn so với tiền nhân trước. Nếu Nguyễn Bình Khiêm từng lựa chọn không gian thiên nhiên thanh tĩnh, chủ trương trở về nơi thâm sơn, cách biệt mọi huyên náo, ồn ào, thị phi ở cõi tục để dưỡng tâm tu thiền thì Hải Lượng thiền sư lại lựa chọn thể nghiệm thiền ngay giữa không gian huyên náo, vội vã. Trong con mắt thiền của vị Tuyết giang phu tử thời Mạc, ngoại cảnh xung quanh có tác động lớn đến việc tu tập, thực hành thiền định của con người. Vì vậy, người đọc luôn thấy trong thơ ông những không gian tự nhiên thanh tĩnh, giản đơn:

*“Biệt chiếm kê tuyên cảnh trí u  
Quy lai kết ốc mịch nhàn du  
Hộ hoa bán yếm lâm phong thụ  
Đãi nguyệt tiên khai cận thủy lâu”*

(Suôi khe giành chốn tịch u  
Quay về tìm cảnh nhàn du dựng nhà  
Rừng cây ngăn gió che hoa  
Chờ bên lầu bên trăng ngà tỏ soi)

(*Tân quán ngụ hứng XV*, tập *Bạch Vân am thi tập* - Nguyễn Bình Khiêm)

Ngược lại, với thơ thiền Hải Lượng thiền sư trong bất kỳ không gian nào dù thanh tịch hay huyên náo, con người vẫn thể nghiệm đạt được triết lý đạo thiền bởi mọi thứ đều ở tâm chứ không hoàn toàn do ngoại cảnh tác động. Chỉ cần tâm người không dao động, không chấp trước vào ngoại cảnh, không xao động trước thanh âm huyên náo của cõi trần thì việc đạt thiền có thể diễn ra trong mọi hoàn cảnh, không gian trước mắt.

Mặt khác, khảo sát bộ phận thơ thiền Hải Lượng thiền sư, chúng tôi nhận thấy cảm hứng thiền trong thơ ông không chỉ xuất hiện trong khoảng thời gian sau khi nhà Tây Sơn tiêu vong, bản thân không còn được trọng vọng như xưa bởi định kiến “vì chín họ mà trả thù” của vua Gia Long mà cảm hứng này vốn đã phảng phất trong thơ ông trước đó. Khi tác giả còn ở vị thế nhiều kẻ ước ao, khi tấm áo bào tía vẫn còn khoác sau lưng, khi trách nhiệm với cơ nghiệp Tây Sơn vẫn còn nặng mang (*Độ Như Thiết thủy*), bản thân ông đã khởi phát ý nghĩ lánh mình về chốn

vườn thiền. Không gian nhà chùa một lần nữa trở dậy mãnh liệt như thổi nam châm với từ trường rất mạnh thu hút tâm người trở về. Giữa nơi “Nguy khuyết”<sup>®</sup> đầy danh lợi với biết bao sự tranh đoạt, con người nhận ra và không thôi ước mong được trở về không gian thiền tịnh:

*“Cửu ái Trúc Lâm thiền thú lạc  
Tử bào vị hứa tạo sam đan”*

(Từ lâu ưa cái thú thiền viện Trúc Lâm

Nhưng áo bào tía chưa cho mặc áo đen ngồi  
giường Thiền)

(*Thuật tiên ý II*, tập *Thu cận dương ngôn*)  
(Mai, 2001, tr. 281-284)

Hơn bốn mươi lăm năm mang thân giam giữ chốn quan trường, ném trái đủ mùi danh lợi, vinh hiển (Bình thị trú quân) thể nhưng tước vị, kim tiền mãi vẫn không thể khiến tâm người an định. Con người ấy từ lâu đã nhận ra chỉ khi trở về chốn vườn thiền, sống đời thanh đạm như bậc chân tu “tạo sam đan” mới có thể thoát vòng khổ lụy của đời trần tục. Không gian nơi vườn thiền Trúc Lâm mở ra trước mắt danh sĩ họ Ngô tưởng như rất gần đến mức ngõ con người chỉ có bước thêm bước nữa là đến được nhưng thực tế lại cách xa thân người. Hình ảnh tấm áo bào tía “từ bào” trong bài có khác chi một bàn tay vô hình đẩy con người xa dần khỏi không gian nơi vườn thiền, như sợi dây trói chặt lấy thân người khiến họ dù thấy rõ trước mắt nhưng chẳng thể bước vào chốn ấy: “*Tử bào vị hứa tạo sam đan*”. Ước mong quy nhàn, trở về vườn thiền trong thơ thiền Hải Lượng có sự gặp gỡ với mong ước của thi hào Nguyễn Trãi đời trước. Bản thân Nguyễn Trãi cũng từng mong ước trở về chốn nhàn, lánh xa lợi danh hư ảo chốn quan trường để dưỡng tâm tu thiền. Niềm mong ước ấy càng lúc càng trở nên cháy bỏng khiến bậc công thần triều Hậu Lê nhất quyết cởi trả mũ áo một mình trở về vui cảnh thanh nhàn: “*Am trúc hiên mai ngày tháng qua / Thị phi nào đến cõi yên hà*” (Ngôn chí III, tập Quốc Âm thi tập - Nguyễn Trãi) (Mai, 2014, tr. 70). Có thể thấy, cả Hải Lượng thiền sư và Nguyễn Trãi đều ý thức rõ vai trò của không gian vườn thiền, luôn thường trực khao khát trở về chốn ấy để di dưỡng thân tâm. Dù cùng chung niềm khao khát trở về thế nhưng Nguyễn Trãi đã sớm được viên thành ước nguyện: “*Giữ bao nhiêu bụi, bụi làm / Giơ tay áo đến tùng lâm / Rừng nhiều cây rợp hoa chầy động / Đường ít người đi cỏ kíp xâm*” (Ngôn chí IV, tập Quốc Âm thi



tập - Nguyễn Trãi) (Mai, 2014, tr. 72) còn Hải Lượng thiền sư thời điểm ấy vẫn chưa thể buông bỏ trách nhiệm kẻ sĩ với đời. Con người ông muốn cởi trả áo bào, gửi lại danh vị, bỏ qua lợi danh để trở về khoác lên chiếc áo đen của bậc hành giả, được tựa lưng vào giường thiền, sống an nhiên, tự tại giữa cõi thiền. Thế nhưng, mong ước là một chuyện còn trong thực tế con người có viên thành hay không lại là chuyện khác. Con người Hải Lượng thiền sư vốn đã nhận ra từ rất lâu chỉ khi bước chân vào không gian vườn thiền, đặt cái tâm trống không vào đấy thì thân mới yên định nhưng trách nhiệm với chốn quan trường vẫn chưa cho phép ông buông bỏ:

*“Từ bi lạc quốc Phật thiên thượng*

*Ly hợp phù âu nhân thế gian”*

(Phật trên trời, từ bi nơi cực lạc

Người cõi thế vẫn tan hợp bọt nổi trôi)

(*Đăng Hồ sơn hữu cảm*, tập *Ngọc đường xuân khiếu*)

(Mai, 2001, tr. 285-286)

Nếu như ở Nguyễn Trãi, quá trình trở về vườn thiền của con người có sự thống nhất và liền mạch từ nhận thức đến hành động thì ở Hải Lượng thiền sư, quá trình này chỉ tạm dừng trong nhận thức nhà thơ mãi đến những năm tháng sau này khi vua Quang Trung băng hà, bản thân ông không còn được tin dụng như trước mới có thể trở về. Nói cách khác, con người Hải Lượng trong những năm tháng theo đuổi việc quan trường chỉ mới ý thức được vai trò của không gian thanh nhàn nơi vườn thiền vẫn chưa thể thực hiện được như Nguyễn Trãi bởi nhiệt tâm cống hiến, trách nhiệm kẻ sĩ trước bách tìn và xã tắc chưa cho phép ông dừng lại. Không gian vườn thiền trong bài tuy gần đó nhưng với ông ngay tại thời điểm này vẫn còn quá xa vời. Chốn thiền môn đã mở ra trước mắt nhưng chân người sao bước mãi vẫn chẳng thể đến được. Mong ước lánh thân về vườn thiền, được thanh thoi khoác áo hành giả trong con người ông vẫn mãi là mong ước.

### 3.3.2. Không gian hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và tương thông với vũ trụ

Bên cạnh đó, không gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư còn là không gian tương thông, nối kết chặt chẽ với ngoại cảnh xung quanh. Sự kết nối chặt chẽ, hài hòa giữa không gian nhà chùa với không gian thiên nhiên và vạn vật xung quanh góp phần tạo nên vẻ đẹp sơn thủy hữu tình khiến tâm hồn thi nhân lay động. Không ít lần trong thơ thiền

của mình, Hải Lượng thiền sư đã họa lên nên thơ ông một không gian nghệ thuật đầy thi vị:

*“Phật tự y vi lung ngạn tuyết”*

(Chùa Phật xa mờ, lồng trong bờ tuyết)

(*Ngũ Vân lâu văn diếu*, tập *Ngọc đường xuân khiếu*)

(Mai, 2001, tr. 194-195)

Không gian chùa Phật<sup>®</sup> được khắc họa trong trạng thái mờ ảo dường như không trông rõ đường nét bởi tác giả đặt điểm nhìn của mình ở một khoảng cách rất xa. Hình ảnh ngôi cổ tự hiện lên không những với tư cách là đối tượng quan sát duy nhất mà còn được tác giả kết hợp hài hòa với cảnh vật xung quanh - một sự kết hợp thâm mỹ độc đáo. Cảnh vật được nối kết với nhau nhưng không phải theo kiểu chấp vá hay lắp ghép một cách gượng ép mà hài hòa lồng vào nhau thông qua dấu chỉ từ ngữ trong bài: “y”. Con người phóng tầm mắt vào khoảng không mênh mông để rồi dường như bị thu hút bởi vẻ đẹp hài hòa của chốn thiền môn khiến thi hứng trở dậy mạnh mẽ mà chấp bút đề thơ. Sắc màu của thiên nhiên luôn hiện hữu và điểm xuyên hài hòa giữa không gian thiền môn thanh vắng:

*“Hoàng hoa thu sắc nhất thiên tình*

*Giang tự chiêu yêu tân bộ hành*

*Cận thủy lâu cao chung ảnh tế”*

(Sắc thu, hoa vàng, một ngày tạnh ráo

Dắt dìu dạo bước trước chùa bên sông

Tầng lầu cao bên mé nước, nhỏ nhỏ bóng chuông)

(*Giang tự tình du*, tập *Ngọc đường xuân khiếu*)

(Mai, 2001, tr. 185-187)

Bước chân kẻ du tử dạo gót đến chốn thiền môn chẳng khác chi kẻ tiều phu năm nào từng lạc ở suối Đào Nguyên tiên cảnh. Không gian nhà chùa trở thành tâm điểm trong bức tranh thu đầy thi vị với “hoàng hoa”, “thu sắc”, “cận thủy”. Tâm người trong không gian ấy dường như cũng cảm nhận được sự nhẹ nhàng, thư thái như vừa được bàn tay tạo hóa lau sạch bụi trần:

*“Nghênh hy đạo khiết lý trần khinh”*

(Trên đường sạch đón nắng mai, nhẹ nhàng bụi dếp)

(*Giang tự tình du*, tập *Ngọc đường xuân khiếu*)

(Mai, 2001, tr. 185-187)

Trong không gian ấy, con người tạm buông bỏ mọi phiền lụy, khổ đau và nhiễu nhương của đời



thực đạo gót thành thoi giữa chốn thiên môn, lắng đọng thân tâm. Cảnh vật thiên nhiên trong trường hợp này giữ vai trò như chất xúc tác hữu hiệu để tạo môi trường lí tưởng giúp con người thực hành thiền định. Ngoài ra không ít lần, tác giả lại đặt không gian nhà chùa trong cùng hệ quy chiếu với trời đất. Con người bước đến chốn thiên khi ấy cảm giác như được thăng thiên, hòa nhập bản thân vào không gian mênh mông, kì vĩ của vũ trụ. Giữa trời đất và con người dường như không còn khoảng phân định bởi sự tiếp nối liền mạch, tương thông qua không gian nhà chùa:

*“Kịch lý Tương Sơn tối thượng đầu  
Vu hồi giác lộ giá tầng lâu”*  
(Đi guốc lên đỉnh cao nhất của Tương Sơn  
Quanh co theo đường nhà chùa, leo lên tầng lầu)  
(*Tương Sơn tự ký thắng*, tập *Hoàng hoa đồ phả*)  
(Mai, 2001, tr. 421-422)

Không gian nhà chùa trong bài giữ vai trò như không gian mở, kết nối con người với trời đất: *“Vu hồi giác lộ giá tầng lâu”*. Con người trong thơ thiền Hải Lượng mang cảm hứng “đăng cao” rất rõ. Sự nối kết hài hòa, tương thông giữa không gian nhà chùa, am thiền với không gian vũ trụ cũng thường được phản ánh trong các sáng tác thơ thiền đời Trần. Con người bước đến am thiền trong tâm thế chủ động tìm kiếm sự kết giao với vũ trụ:

*“Đình đình bảo cái cao ma vân  
Kim Tiên cung khuyết vô phàm trần  
Tuyệt phong cánh hữu học Phật giả  
Thanh phong minh nguyệt tương vi lân”*  
(Lọng báu sừng sững chạm tầng mây  
Cung khuyết Kim Tiên không bợn chút phàm  
Đỉnh núi chót vọt có kẻ học phép Phật  
Kết bạn láng giềng với gió mát trăng trong)  
(*Vân Tiêu am - Trần Anh Tông*)  
(Vũ, 2013, tr. 192)

Không gian Phật giáo - nhà chùa, am thiền trong hai bài có vai trò như không gian mở, hỗ trợ đắc lực quá trình thiết lập kết nối giữa con người - những “tiểu vũ trụ” với đại vũ trụ mênh mông. Sự khác biệt ở chỗ không gian am Vân Tiêu trong thơ Trần Anh Tông chủ yếu có vai trò hỗ trợ cảm hứng giao hòa giữa con người với vũ trụ, giúp thỏa ước mong chinh phục vươn đến cái rộng lớn, bao la vô tận của tự nhiên

còn không gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng có vai trò hỗ trợ con người trong việc thức tỉnh tâm thiền. Thông qua không gian nhà chùa, con người trong thơ thiền Hải Lượng dường như muốn vượt ra khỏi những giới hạn chật hẹp của bản thân để tương thông với trời đất từ đó được dịp thể nghiệm các triết lí của đạo thiền. Sức hấp dẫn của cảnh vật thiên nhiên trong bài như thời nam châm hấp dẫn bước chân khám phá của kẻ du tử khi đối diện trước không gian ấy:

*“Khâm khâm bảo tháp truyền đăng xứ  
Ước lược kim tiên trác tích thu”*  
(Chon von tòa tháp báu là chỗ truyền đăng  
Tháp thoáng vị kim tiên, như ngày cấm tích trượng)  
(*Tương Sơn tự ký thắng*, tập *Hoàng hoa đồ phả*)  
(Mai, 2001, tr. 421-422)

Hàng loạt dấu chỉ của thiền trong đạo Phật dần hiện lên song hành với bước chân “đăng cao” của kẻ du tử ngay bên dưới không gian nhà chùa: *“bảo tháp”, “truyền đăng”, “trác tích thu”*. Con người bước đi bên dưới mái chùa dường như mang dáng dấp thực thụ của bậc hành giả với tay cầm gậy tích trượng, lòng hướng đến cõi trời nào đó trên đỉnh Tương Sơn: *“Kịch lý Tương Sơn tối thượng đầu”*. Ngoài ra, một cảm hứng quen thuộc vẫn thường xuyên hiện hữu như một công thức chung khi tác giả viết về không gian nhà chùa là cảm hứng thể nghiệm các triết lí thiền tông. Đứng trên đỉnh Tương Sơn, con người có dịp thể nghiệm về ranh giới mong manh giữa hai phạm trù “sắc” - “không” của đạo thiền:

*“Thiền quả “sắc”, “không” vân nhiều tự”*  
(Đạo Thiền “sắc” là “không” như mây vờn quanh núi)  
(*Tương Sơn tự ký thắng*, tập *Hoàng hoa đồ phả*)  
(Mai, 2001, tr. 421-422)

Không gian nhà chùa trong bài một lần nữa đảm nhận vai trò là không gian chứng thực, kiểm nghiệm quá trình thực hành thiền định của con người. Trong không gian ấy, con người nhận ra cái gọi là ranh giới giữa “sắc” và “không” thực chất cũng chỉ là một, là nhất nguyên. Chẳng qua vì tâm người còn chấp mê vào chuyện phân định nên mới khởi sinh ranh giới phân biệt giữa chúng. Phật giáo Thiền tông đã nêu rất rõ vạn vật trên đời vốn là “không” thì thử hỏi làm gì có “sắc”, sở dĩ có chẳng qua do tâm người còn có chấp vào hình tướng, chưa nhìn thấu bản chất “phi sắc” của nó:

“Sắc chẳng khác gì không  
Không chẳng khác gì sắc  
Sắc chính thực là không  
Không chính thực là sắc”

(*Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh - Bản phổ kệ*  
của thiền sư Thích Nhất Hạnh)

Khái niệm “sắc” - “không” của đạo thiền cũng như mây vờn quanh núi “*vân nhiều tụ*” vốn đều là hư ảo, có đó rồi mất đó, lờn vờn che mờ tâm và trí. Tác giả nhận ra điều này và phát ngôn trực tiếp nó trong thơ khi có dịp thể nghiệm bên dưới không gian nhà chùa. Có thể nói, bên dưới những không gian nghệ thuật như nhà chùa, thiền viện hay đất Phật, con người trong thơ thiền Hải Lượng được dịp kiểm nghiệm các triết lý thâm sâu mà hữu dụng của đạo thiền đồng thời gạt bỏ đi những bụi trần trong tâm. Mặt khác, con người trong thơ thiền Hải Lượng luôn tâm niệm cõi Phật là chốn trang nghiêm, thanh tịnh tuyệt nhiên không phải là chốn dung chứa sự ly biệt, tan vỡ:

“*Vị phùng tử hà châm biệt tửu*  
*Đâu thiên khởi thị trụ thu phương*”  
(Nâng chén tử hà, rót rượu tiễn biệt  
“Đâu suất thiên” đâu phải chỗ ở của thu)  
(*Tống thu*, tập *Cúc hoa thi trận*)  
(Mai, 2001, tr. 232-233)

Hải Lượng thiền sư vốn quan niệm mùa thu và tất cả những gì liên quan đến nó đều gắn liền với sự ly biệt, nhớ nhung: “*Tống thu vô nại đảo tây đường / Khiển quyển dư tình tản ửng đường*” (Dịch nghĩa: Tiễn thu, biết sao đây, đến nhà phía tây / Tình còn vẩn vút, che lọng đi trên đường). Ông tiễn biệt bạn mình giữa lúc tiết thu đang về ở khắp nơi khiến lòng người vốn đã cô đơn, sầu tủi lại càng thêm ưu phiền mà ngân lệ: “*Vị phùng tử hà châm biệt tửu*”. Cõi Phật “Đâu suất thiên”<sup>®</sup> vốn là chốn an lạc, thanh tịnh vì thế ông đưa ra lời khẳng định chắc chắn rằng tiết thu u buồn chẳng thể len lỏi vào chốn ấy: “*Đâu thiên khởi thị trụ thu phương*”. Qua việc khắc họa không gian cõi Phật, con người trong thơ thiền Hải Lượng đã kí thác vào đó niềm mong ước thoát khỏi sầu khổ, ly biệt được đặt chân đến cõi niết bàn. Họ sợ phải rơi vào cảnh khổ của ly biệt, sợ bị nhấn chìm trong niềm thương, nỗi nhớ khi chia xa và hơn hết vẫn là nỗi lo về việc chân tâm bị bụi trần vấy bẩn.

### 3.3.3. Không gian phát xuất các tín hiệu thiền từ đó thức tỉnh nhân tâm giữa đời bề bộn

Ngoài ra, không gian nhà chùa trong thơ Hải Lượng thiền sư còn có vai trò là nơi phát xuất các tín hiệu thiền từ đó đánh thức tâm người thoát khỏi hồng trần để trở về trong sự tỉnh thức và an lạc. Sống giữa vòng danh lợi chốn quan trường nhiều tranh đoạt, con người lắm lúc cũng bị những bộn bề của việc quan, những lo toan, ưu sầu của đời đi sứ... làm nhiều động cỗi lòng khiến tâm lắm lúc muốn an nhưng chẳng thể, thân muốn dưỡng cũng chẳng xong:

“*Tinh ngôn thử tịch hà như tịch?*  
*Cám lậu canh thâm bị triệu thì*”  
(Lời đoán số đêm nay là đêm thế nào?  
Là lúc canh khuya bị triệu vào trong cung cấm)  
(*Cám hứng*, tập *Thủy vân nhân vịnh*)  
(Mai, 2001, tr. 157-158)

Giữa canh khuya, khi vạn vật vẫn đang chìm sâu trong cõi mộng nhưng thân ông cũng chẳng thể yên bởi lệnh triệu bất ngờ của thiên tử vào cung. Con người chỉ còn biết vâng theo thánh ý mà cấp tốc lên đường. Tâm tưởng như được giây phút lắng đọng nhưng một lần nữa bị cuốn vào vòng quay của việc quan. Những lúc như vậy, con người thật sự cần lắm một tín hiệu từ ngoại cảnh vọng lại để đánh thức chân tâm vẫn còn đang bị bụi trần che khuất. Nói khác hơn, con người lúc ấy cố tìm kiếm một tín hiệu thiền vọng ra bên dưới những ngôi cổ tự. Vì vậy ngay thời khắc này, họ trở nên nhạy cảm hơn bao giờ hết với vạn vật xung quanh:

“*Thiên biên du tử quả chinh y*  
*Nguyệt tà viễn tự chung sơ động*”  
(Bên trời, kẻ du tử khoác tấm chinh y  
Trăng xế chùa xa tiếng chuông vừa thỉnh)  
(*Cám hứng*, tập *Thủy vân nhân vịnh*)  
(Mai, 2001, tr. 157-158)

Tín hiệu đặc trưng của thiền trong bài đã xuất hiện - tiếng chuông chùa. Đây là âm thanh xuất hiện phổ biến (**8 bài**) và mang nhiều ý nghĩa thiền trong bộ phận thơ thiền của Hải Lượng thiền sư. Tiếng chuông với thanh âm vang vọng phát ra từ trong không gian nhà chùa ở cách đó rất xa “*viễn tự*”. Có thể thấy, con người trong trạng thái khao khát tìm kiếm những tín hiệu của thiền vì vậy mà tâm trở nên vô cùng nhạy cảm với ngoại vật. Dù ngôi chùa ở cách đó rất xa nhưng chỉ nghe vẳng lại một tiếng chuông cũng trở thành một yếu tố đủ để tác động đến tâm. Nếu không

gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng được khắc họa ở một khoảng cách rất xa thậm chí con người chỉ có thể hình dung về nơi ấy qua thanh âm tiếng chuông vọng lại giữa đêm tịch tịch thì không gian nhà chùa trong Tiên Sơn tự của Nguyễn Trãi lại hiện lên rõ nét:

“*Đoàn trạo hệ tà dương  
Thông thông yết thượng phương  
Vân quy Thiên sát lãnh  
Hoa lạc giản lưu hương*”  
(Mái chèo ngán buộc trong bóng xế  
Vội vàng lên chùa lễ Phật  
Mây kéo về làm lạnh giường Thiền  
Hoa rụng xuống khiến dòng suối thơm)  
(*Tiên Du tự*, tập *Ức Trai thi tập* - Nguyễn Trãi)

Có thể thấy ở hai bài thơ sự khác biệt trong cách thể hiện không gian nhà chùa giữa các tác giả. Không gian nhà chùa trong thơ Nguyễn Trãi được tái hiện rõ ràng, gắn kết chặt chẽ với tâm khi con người thể nghiệm triết lý Thiền tông - trạng thái “quên” của tâm trước thực tại: “*Cá trung chân hữu ý / Dục ngữ hốt hoàn vương*” (Trong cảnh ấy thật có ý / Ta muốn nói ra bỗng lại quên lời). Ngược lại, không gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư được tái hiện qua tín hiệu đặc trưng phát ra - tiếng chuông vọng xa. Ở thời khắc bộn bề việc nước của kẻ sĩ, con người trong thơ thiền Hải Lượng vẫn cố lắng đọng thân tâm để tiếp nhận tín hiệu thiền từ đó nhận thức rõ hơn về chính mình. Tiếng chuông vang xa trong màn đêm u tịch chẳng khác gì một chậu nước trong để con người qua đó có thể rửa tâm khỏi sạch phiền não. Không gian nhà chùa trong bài dường như được tác giả kéo sát gần hơn với tâm người thông qua sợi dây mang tín hiệu thiền là tiếng chuông vừa thỉnh từ một nhà sư: “*Nguyệt tà viễn tự chung sơ động*”. Con người lắng lòng để nghe chuông xa vọng lại trong khoảnh khắc ấy bỗng giật mình tỉnh thức sau giấc mê của cuộc đời. Tiếng chuông vang ra từ không gian cổ tự đắm nhận vai trò đánh thức chân tâm con người. Có lẽ ở điểm này, không gian nhà chùa trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư tìm thấy một sự gặp gỡ tình cờ với không gian nhà chùa trong thơ Nguyễn Trung Ngạn - bậc danh thần thời văn Trần:

“*Cổ tự tăng chung xao lạc nhật*”  
(Chùa cổ, tiếng chuông nhà sư thỉnh rung cả mặt trời)  
(*Trường An thành hoài cổ* - Nguyễn Trung Ngạn)  
(Vũ, 2013, tr. 388-389)

Sự khác biệt ở chỗ tiếng chuông vọng ra từ không gian cổ tự trong thơ Nguyễn Trung Ngạn có vai trò đánh thức nhân tâm khiến con người chạnh lòng nhớ về hình ảnh kinh thành Trường An từng tấp nập, huy hoàng trong quá khứ vào các thời Lý và thịnh Trần. Tiếng chuông kiến tạo trong tâm thức con người một không gian hoài cổ, u buồn. Với thơ thiền Hải Lượng thiền sư, tiếng chuông vọng ra từ không gian viễn tự có vai trò đánh thức sơ tâm, thúc đẩy con người nhìn nhận lại chính mình trong khoảnh khắc thực tại. Dù biết rằng, chuông kia chỉ vang lên trong chốc lát rồi vụt tắt giữa đêm tịch liêu, dù rằng khoảnh khắc thức tỉnh của tâm và trạng thái thư thái, nhẹ nhàng của thân cũng chỉ diễn ra trong tích tắc ngắn ngủi nhưng tác giả vẫn không thôi hướng vọng, tìm kiếm về nó. Trên những bước sứ trình vạn dặm, dù rằng đời đi sứ lắm lúc gian lao, bẽ bộn (*Khẩn hành thuy nan*), dù biết rõ thân ta giờ đây phải khoác lên tấm áo lũ khách rời xa cố hương (*Nam Ninh chu thứ cảm hoài*) nhưng hễ mỗi lần được dịp, con người ông lại không thôi tìm kiếm các tín hiệu của thiên:

“*Ngang Bà viện vũ hương thần chung*”  
(Đền miếu Bà Ngang, vang hồi chuông mai)  
(*Chân Định đạo trung*, tập *Thủy vân nhàn vịnh*)  
(Mai, 2001, tr. 178-179)

“*Cánh hữu nhất ban thanh ý vị  
Tùng lâm y ước số thanh chung*”  
(Lại còn có một ý vị trong treo hơn nữa  
Tiếng chuông chùa vắng vắng trong rừng thông)  
(*Lệ Giang văn diếu*, tập *Hoàng hoa đồ phả*)  
(Mai, 2001, tr. 344-345)

Tiếng chuông vang lên từ trong không gian ngôi đền, rừng thông đánh thức tâm người đi sứ khiến cõi lòng trở nên thanh sạch từ đó gọi thêm thi hứng đồng thời cũng là dịp hiếm hoi để con người nhìn lại bản thân, nhận ra những bẽ bộn đang mang. Như vậy rõ ràng, không gian nhà chùa hay rộng hơn là không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư góp phần quan trọng trong việc an định thân và tâm con người thông qua tín hiệu thiền đặc trưng nó phát ra.

#### 4. Kết luận

Tóm lại, không gian nghệ thuật là yếu tố thi pháp chuyên tải sinh động tư tưởng Thiền tông trong bộ phận thơ thiền Hải Lượng thiền sư. Qua khảo sát 78 bài thơ thiền trong 7 tập thơ chữ Hán của tác giả, chúng tôi nhận thấy không gian nghệ thuật trong thơ



Ngô Thì Nhậm được thể hiện chủ yếu qua sự xuất hiện của không gian nhà chùa, thiền viện, vườn thiền và một số ít của không gian đất Phật trong tâm tưởng con người. Trước hết, không gian nghệ thuật được khắc họa là nơi giúp con người thể nghiệm các triết lý thiền của đạo Phật. Mặt khác, đây cũng là không gian chứng thực, kiểm nghiệm sự giác ngộ, thực hành thiền định của con người. Ngoài ra, không gian nghệ thuật này cũng là không gian hữu tình có sự kết hợp hài hòa với ngoại cảnh tạo nên vẻ đẹp sơn thủy thu hút con người tìm về như một nơi để “rửa” tâm, thưởng cảnh. Bên cạnh đó, không gian nghệ thuật trong thơ còn là nơi khởi phát các tín hiệu đặc trưng của thiền, thường gặp nhất là tiếng chuông ngân xa giữa khoảng không mênh mông. Không gian ấy vốn là nơi kí thác ước mong thoát vòng trần tục đặt chân đến niết bàn chốn Tây phương để tìm lại sự an lạc, thanh tịnh bên trong chân tâm. Việc tìm hiểu và khai thác các giá trị của không gian nghệ thuật trong thơ thiền Hải Lượng thiền sư cũng giúp người đọc nhận ra một xu hướng vận động tất yếu gắn với bối cảnh lịch sử, xã hội Đại Việt lúc bấy giờ của đạo Phật là Phật giáo nhập thế. Tư tưởng và giáo lý của đạo Phật không chỉ dừng lại trước thiền môn mà bắt đầu thâm nhập sâu rộng vào đời sống quần chúng. Phật giáo sống cùng quần chúng nhân dân.

#### Ghi chú:

① Cụ thể, chúng tôi thống kê được tần suất xuất hiện của các từ ngữ này trong mỗi tập thơ như sau: Bút hải từng đàm với **4 lần** (1,90%), Thủy vân nhàn vịnh với **15 lần** (7,14%), Ngọc đường xuân khiêu với **48 lần** (22,86%), Cúc hoa thi trận với **14 lần** (6,67%), Cẩm đường nhàn thoại với **11 lần** (5,24%) và Hoàng hoa đồ phá với **100 lần** (47,62%).

② Nguyên phi Ý Lan (?-1117) đời vua Lý Thánh Tông từng khẳng định rất rõ quan niệm này trong bài Sắc không: “*Sắc, không câu bất quản / Phương đặc khế chân tông*” (Đừng quan tâm đến sắc - không / Thì mới khế hợp được với chân lý tối cao của tông phái).

③ Ngụy khuyết (魏闕) tức triều đình. Đây là từ dùng của tác giả trong bài *Thuật tiên ý I*, tập *Thu cận dương ngôn*: “*Ngụy khuyết giang hồ tùy xứ hảo*” (Nơi triều đình hay chốn giang hồ chỗ nào cũng tốt) (Mai, 2001, tr. 281-284).

④ *Chùa Phật tức chùa Trầm* (Từ Trầm sơn 紫沉山) dưới thời chúa Trịnh tọa lạc trên núi Trầm. Ngày nay, quần thể chùa Trầm tọa lạc tại xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ, Hà Nội.

⑤ *Đâu suất thiên* (兜率天) theo quan niệm nhà Phật thì đây là ngự của đức Phật Di Lặc.

#### Tài liệu tham khảo

- Đoàn, T. T. M. (2003). *Văn chính luận của Ngô Thì Nhậm*. Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Mai, Q. L. (1985). *Ngô Thì Nhậm trong văn học Tây Sơn*. Thành phố Hồ Chí Minh: Sở Văn hóa thông tin Nghĩa Bình.
- Mai, Q. L. (Chủ biên). (2001). *Ngô Thì Nhậm tác phẩm, tập II (Thơ & Phú)*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn học & Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
- Mai, Q. L. (Chủ biên). (2014). *Nguyễn Trãi - Quốc Âm thi tập*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Văn học.
- Nguyễn, B. K. (Ngày 06 tháng 02 năm 2024). Bạch Vân am thi tập. *Trang Thi viện*. Truy cập từ [https://www.thivien.net/Nguyễn-Bình-Khiêm/Bạch-Vân-am-thi-tập/group-\\_z9lkOfPILXZIES\\_mpLmhg](https://www.thivien.net/Nguyễn-Bình-Khiêm/Bạch-Vân-am-thi-tập/group-_z9lkOfPILXZIES_mpLmhg).
- Nguyễn, T. V. H. (2020). *Văn học Phật giáo Việt Nam thế kỉ XVII - XIX*. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.
- Nguyễn, T. (Ngày 06 tháng 02 năm 2024). Ưc Trai thi tập. *Trang Thi viện*. Truy cập từ [https://www.thivien.net/Nguyễn-Trãi/Ưc-Trai-thi-tập/group-nK0tnLa3M6iVye\\_Tji5Umg](https://www.thivien.net/Nguyễn-Trãi/Ưc-Trai-thi-tập/group-nK0tnLa3M6iVye_Tji5Umg).
- Trần, Đ. S. (2017). *Dẫn luận thi pháp học văn học*. Hà Nội: NXB Đại học Sư phạm.
- Trần, T. B. T. (2003). Ngô Thì Nhậm, một tâm lòng thiền chưa thành. *Tạp chí Hán Nôm, tập 58*, số 3. Truy cập từ: <http://www.hannom.org.vn/web/tchn/data/0303v.htm>.
- Tân, V., Lang, V., Lê, S. T., Thâu, C., & Liên, N. (1974). *Ngô Thì Nhậm con người và sự nghiệp*. Hà Tây: Ty Văn hóa - Thông tin.
- Vũ, B. L. (2001). *Hồn thiền trong thơ Lý - Trần*. Hà Nội: NXB Hội nhà văn.